**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÒN ĐẤT**
TỈNH KIÊN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 26 /**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/04/2019
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Lợi.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Phạm Hồng Gái**

2.Ông **Nguyễn Thanh Cần**

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Lê Quốc Tững –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:* Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát Viên.

Trong ngày 10 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp xin ly hôn*"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1993 có mặt

Địa chỉ: Ấp 5, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh hậu Giang.

*Bị đơn:* Anh **Danh Trần T1,** sinh năm 1988 vắng mặt

Địa chỉ: ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2017 nguyên đơn Chị Bùi Thị T trình bày:***

Tôi và anh T1 tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, sau ngày cưới chúng tôi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, cuộc sống của vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nên tôi và anh T1 đã có 01 con chung, tên Danh Thị Như Ý, sinh ngày 21/8/2015. Tuy nhiên từ khi sinh cháu ý ra

khoảng 01 năm sau thì anh T1 thường hay rượu chè, đánh đập vợ con, anh T1 cũng thường hay ghen tuông và chửi bới tôi, mặc dù tôi và anh T1 đượic gia đình 2 bên hàn gắn nhiều lần, nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, nên từ đầu tháng 3/2017 chúng tôi ly thân cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, nay tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh T1.

Về con: quá trình chung sống chúng tôi có chung nhau 01 đứa con tên Danh Thị Như Ý, sinh ngày 21/8/2015 cháu Ý đang sống chung với tôi, tôi yêu cầu tiếp tục nuôi con, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Chúng tôi không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay anh Danh Trần T1 không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[ 1] Nguyên đơn chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Danh Trần T1. Đây là tranh chấp việc ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Anh Danh Trần T1 đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, cho nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[ 3] Về nội dung: Anh Danh Trần T1 và chị Bùi Thị T tự tìm hiểu rồi yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận rồi tổ chức lễ cưới vào 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang,vào ngày 01/4/2015. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Danh Thị Như Ý, sinh ngày 21/8/2015. Đến năm 2016 tình cảm vợ chồng giữa anh T1 và chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, thậm chí vẫn đến đánh nhau. Đến tháng 3/2017 thì chị T và anh T1 ly thân cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống trong gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc, để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẽ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con cái. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh T1 và chị T có 01 con chung tên Danh Thị Như Ý, sinh ngày 21/8/2015. Hiện nay cháu Ý đang sống với chị T, Chị T có nguyên vọng được tiếp tục nuôi cháu Ý, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên tiếp tục giao cháu danh Thị Như Ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản,nợ chung: *Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên ý kiến: Về tố tụng; Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã thuân thủ đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với T1 về con chung tiếp tục giao cho chị T nuôi cháu Ý, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu, về tài sản, nợ: không có không giải quyết. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng pháp luật,Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Căn cứ vào Nghị Quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị T được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003405 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, Chị T không phải nộp thêm.

***Vì các lẽ trên!***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28,271,273, 227,228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

*1. Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn Chị Bùi Thị T.

Xử: Cho Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Danh Trần T1.

*2. Về con chung:* Giao cháu Danh Thị Như Ý, sinh ngày 21/8/2015, cho chị Bùi Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Danh Trần T1 không cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh Danh Trần T1 có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

*3. Về tài sản chung, nợ:* Không có, không yêu cầu.

*4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Căn cứ vào Nghị Quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị T được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003405 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, Chị T không phải nộp thêm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Anh Danh Trần T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận ( Niêm yết) Bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tấn Lợi**